

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 183/2024/DS-PT
Ngày 12-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố,
hợp đồng góp hui, thực hiện
nghĩa vụ của người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2024/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố, hợp đồng góp hui, thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 223/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1962 (vắng mặt);

2. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Tổ B, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2023: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Bị đơn:**

1. Bà Huỳnh Thị Thúy O, sinh năm 1973 (có mặt);
 2. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993 (vắng mặt);
 3. Anh Nguyễn Khang V, sinh năm 2005 (vắng mặt);
- Cùng nơi cư trú: Tổ F, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Thúy O là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn L và bà Hồ Thị N (sau đây gọi tắt là ông L, bà N) và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Về hợp đồng cầm cố đất: Vợ chồng ông Nguyễn Văn G và bà Huỳnh Thị Thúy O (sau đây gọi tắt là ông G, bà O) có nợ bà N số tiền 70.000.000đ nên ông G và bà O cầm cố 02 công đất ruộng cho ông L và bà N, có lập Tờ cổ đất ngày 24/6/2022; ông G và bà O giao đất cho ông L và bà N canh tác.

Về hợp đồng góp hụi: Ông G và bà O có tham gia 02 dây hụi 5.000.000đ/tháng do bà N làm chủ; hụi mở ngày 20/02/2021 và ngày 29/10/2021, gồm 20 phân; ông G và bà O đã hót và nhận đủ số tiền hụi nhưng không góp hụi chết. Tháng 01/2023, bà O thống nhất còn nợ bà N hụi chết là 140.000.000đ.

Năm 2022, ông G chết, hàng thừa kế của ông G gồm có: Vợ là bà O, con là anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Khang V (sau đây gọi tắt là anh K, anh V).

Ông L và bà N khởi kiện yêu cầu bà O, anh K và anh V cùng có nghĩa vụ trả cho ông L và bà N tiền cầm cố đất là 70.000.000đ và nợ hụi là 140.000.000đ, tổng cộng là 210.000.000đ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông L và bà N đã giao trả 02 công đất ruộng cho bà O, anh K và anh V.

Nay ông L và bà N yêu cầu bà O, anh K và anh V cùng có nghĩa vụ trả 210.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Theo Biên bản ghi lời khai, bị đơn bà O trình bày:

Bà O thống nhất ý kiến trình bày của ông L và bà N: Về cầm cố 02 công đất ruộng là 70.000.000đ, về nợ hụi là 140.000.000đ, hiện còn nợ ông L và bà N là 210.000.000đ, ông L và bà N đã giao trả 02 công đất ruộng.

Ông G chết năm 2022, bà O đồng ý trả 210.000.000đ cho ông L và bà N nhưng xin trả dần; bà O không đồng ý khởi kiện của ông L và bà N về yêu cầu anh K và anh V cùng trả nợ.

Theo Biên bản hòa giải không thành ngày 13/4/2024, bị đơn anh K trình bày: Việc cầm cố đất giữa ông G, bà O với bà N thì anh không biết. Nếu bà N

chứng minh được có việc cầm cố đất, có giao nhận tiền cầm cố đất thì anh K và anh V sẽ cố gắng kiếm tiền trả lại cho bà N 70.000.000đ để chuộc lại đất. Đối với số tiền nợ hụi 140.000.000đ của bà O thì ông không biết và không đồng ý thanh toán nợ này theo yêu cầu của bà N.

Bị đơn anh V: Không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 02/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 24/6/2022 âl giữa ông L, bà N với ông G, bà O vô hiệu.
- Buộc bà O, anh K và anh V cùng liên đới nghĩa vụ trả cho ông L, bà N số tiền 210.000.000đ. Anh K và anh V chỉ có nghĩa vụ sản do ông ng ác định lại năm sinh của bị đơn theo thông tin hiện nay là 1956. 33333333333333333333333333333333 phạm vi di sản của ông G chết để lại.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/5/2024, bà O kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không buộc anh K và anh V liên đới nghĩa vụ; xem xét cho bà O trả dần nợ.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý kháng cáo của bà O.
- Bà O trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Anh K và anh V: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà O. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh K và anh V vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K và anh V.

[2] Về xác định tư cách đương sự:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2023 của ông L và bà N về yêu cầu bà O, anh K và anh V (là người thừa kế của ông G) cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông L và bà N; theo đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 30/01/2024 của người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà N về yêu cầu bà O, anh K và anh V cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông L và bà N.

Theo lời khai của bà O và căn cứ vào văn bản Trích lục khai tử ông G ghi nhận ông G chết ngày 22/12/2022.

Như vậy, ông G chết trước thời điểm nguyên đơn khởi kiện; Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là ông G (chết năm 2022), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông G là: Bà O, anh K và anh V là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 68, khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, cấp phúc thẩm xác định bị đơn là bà O, anh K và anh V theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hình thức đơn kháng cáo: Bà O nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp ứng án phí phúc thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà O thống nhất ý kiến trình bày của ông L và bà N về việc vợ chồng bà O và ông G có nợ ông L và bà N số tiền 210.000.000đ (nợ cầm cố đất là 70.000.000đ, nợ hụi là 140.000.000đ); bà O xác định ông G chết ngày 22/12/2022, hàng thừa kế thứ nhất của ông G là bà O (là vợ), 02 người con là anh K và anh V.

Ông G và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ; ông G đã chết nên ông L và bà N khởi kiện về yêu cầu bà O, anh K và anh V cùng có nghĩa vụ trả số tiền 210.000.000đ là có cơ sở. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 131, Điều 471, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 12, khoản 1 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 1, khoản 2, khoản Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của nguyên đơn không đồng ý cho bà O trả dần nợ và không đồng ý kháng cáo của bà O.

Bà O yêu cầu được miễn, giảm án phí; tuy nhiên, bà O, anh K và anh V không thuộc trường hợp được miễn hoặc giảm án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thúy O.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2024/DS-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 24/6/2022 ã giữa ông Phạm Văn L, bà Hồ Thị N với ông Nguyễn Văn G, bà Huỳnh Thị Thúy O vô hiệu.

Buộc bà Huỳnh Thị Thúy O cùng liên đới với anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Khang V trả cho ông Phạm Văn L, bà Hồ Thị N số tiền 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng), bao gồm tiền cố đất là 70.000.00đ (bảy mươi triệu đồng) và tiền hụi là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Trong đó anh Nguyễn Văn K và Nguyễn Khang V chỉ có nghĩa vụ trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn G chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thúy O, anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Khang V liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000đ (mười triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Khang V chịu án phí trong phạm vi di sản ông Nguyễn Văn G để lại.

- Bà Hồ Thị N và ông Phạm Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà Hồ Thị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.625.000đ (hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004174 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Thúy O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004695 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phi